

HỆND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181/HỆND-KTNS
V/v đăng tải dự thảo nghị quyết
lên Cổng thông tin điện tử tỉnh
Khánh Hòa

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2023



Kính gửi: Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa

Ngày 02/3/2023, Thường trực HỆND tỉnh có Công văn số 69/HỆND-VP thống nhất đề nghị xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HỆND ngày 11/8/2016 của HỆND tỉnh ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, giao Ban Kinh tế - Ngân sách chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết trình HỆND tỉnh, đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Ban Kinh tế - Ngân sách đã xây dựng dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HỆND ngày 11/8/2016 của HỆND tỉnh ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa trong thời gian 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

(Đính kèm dự thảo nghị quyết)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HỆND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Ban KT-NS;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, TN, TH, ĐN.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Bùi Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số/TTr-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Chế độ chi cho công tác thẩm tra

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra:

- a) Cấp tỉnh: 2.250.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 750.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 230.000 đồng/báo cáo.

2. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra:

a) Chủ trì cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên dự họp theo danh sách họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Phục vụ cuộc họp:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.”

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Chế độ chi cho công tác giám sát, khảo sát

1. Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (nghị quyết/quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát):

a) Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 3.500.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 1.100.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 350.000 đồng/bộ hồ sơ.

b) Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 2.300.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 700.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 250.000 đồng/bộ hồ sơ.

c) Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 750.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/bộ hồ sơ.

2. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát:

a) Chi xây dựng thông báo kết luận giám sát đối với từng đơn vị được giám sát (nếu có):

- Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản.
- + Cấp huyện: 400.000 đồng/văn bản.
- + Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

- Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 700.000 đồng/văn bản.
- + Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản.
- + Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

- Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/văn bản.
- + Cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng báo cáo chung của Đoàn giám sát:

- Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp huyện: 1.300.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp xã: 450.000 đồng/báo cáo.

- Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp huyện: 900.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

- Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 750.000 đồng/báo cáo.
- + Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.

3. Chi xây dựng bộ hồ sơ khảo sát (kế hoạch và đề cương khảo sát):

a) Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.800.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 600.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 200.000 đồng/bộ hồ sơ.

b) Đối với hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 450.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

c) Đối với hoạt động khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

4. Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát:

a) Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.800.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 600.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 450.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

c) Đối với hoạt động khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo.

5. Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát:

Trong thời gian thực hiện giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát như sau:

a) Lãnh đạo Đoàn:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 80.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên tham gia Đoàn theo danh sách mời và chuyên viên tham mưu, giúp việc:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ:

- Cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

6. Chế độ chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, khảo sát, Thường trực Hội đồng nhân dân ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi tối đa là 3.500.000 đồng/bài.”

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Chế độ chi cho hoạt động chất vấn, giải trình

1. Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 750.000 đồng/bộ.

b) Cấp huyện: 400.000 đồng/bộ.

c) Cấp xã: 150.000 đồng/bộ.

2. Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn (nếu có), mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/nghị quyết.

b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/nghị quyết.

c) Cấp xã: 450.000 đồng/nghị quyết.”

4. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Chế độ chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân; tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri:

a) Cấp tỉnh: 1.800.000 đồng/điểm.

b) Cấp huyện: 900.000 đồng/điểm.

c) Cấp xã: 450.000 đồng/điểm.

(Trường hợp điểm tổ chức tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì chỉ được hỗ trợ theo mức cao nhất)

2. Ngoài chế độ công tác phí theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân và chuyên viên tổng hợp:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 450.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân khi tiếp công dân được hưởng chế độ bồi dưỡng với mức chi 150.000 đồng/ngày/người.”

5. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản.
- b) Cấp huyện: 450.000 đồng/văn bản.
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

2. Chi xây dựng báo cáo hoạt động định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo.

c) Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.”

6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Chi xây dựng, hoàn thiện nghị quyết

1. Chi xây dựng nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/ng nghị quyết.

b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/ng nghị quyết.

c) Cấp xã: 450.000 đồng/ng nghị quyết.

2. Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi Hội đồng nhân dân thông qua:

- Cấp tỉnh: 450.000 đồng/ng nghị quyết.

- Cấp huyện: 200.000 đồng/ng nghị quyết.

- Cấp xã: 150.000 đồng/ng nghị quyết.”

7. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Chi chế độ họp

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Phục vụ kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

2. Cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội nghị, Hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức:

a) Chủ trì cuộc họp; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (đối với cuộc họp không phải do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức):

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên dự họp theo danh sách họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Phục vụ cuộc họp:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.”

8. Các khoản 2, 4, 5, 7, 8 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh của Hội đồng nhân dân:

a) Đối với các chức danh kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp (Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân) được hưởng phụ cấp bằng 10% mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng theo quy định.

b) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

- Trưởng ban: 0,3 mức lương cơ sở/tháng;
- Phó Trưởng ban: 0,2 mức lương cơ sở/tháng.

c) Khi có nhiều văn bản cùng quy định chế độ hỗ trợ cho một đối tượng thì chỉ áp dụng mức hỗ trợ cao nhất.”

b) Khoản 4 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng.
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng.”

c) Khoản 5 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Chế độ hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Bảo hiểm y tế và chế độ mai táng: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách được cấp thẻ bảo hiểm y tế; khi qua đời nếu không tham gia bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ mai táng bằng 10 tháng lương cơ sở.

b) Khoản chi chế độ tiền công lao động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu), hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 1.800.000đồng/đại biểu/năm.
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 1.200.000 đồng/đại biểu/năm.
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 900.000 đồng/đại biểu/năm.

Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (không bao gồm đại biểu tái cử) được hưởng chế độ bằng 50% mức trên.”

d) Khoản 7 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Chế độ chi may lễ phục:

a) Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may hai (02) bộ lễ phục với mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/bộ.
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/bộ.
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/bộ.

Trường hợp đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp trở lên thì chỉ hưởng một mức cao nhất.

b) Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng và chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp tiền may trang phục với mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/nhiệm kỳ.
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/nhiệm kỳ.
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/nhiệm kỳ.”

đ) Khoản 8 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Hàng năm, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền để khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ với mức khoán chi như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm.
- Cấp huyện: 1.200.000 đồng/người/năm.
- Cấp xã: 450.000 đồng/người/năm.

Trường hợp đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp trở lên thì chỉ hưởng một mức cao nhất. Đối với năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vẫn được hưởng chế độ bằng 100% mức trên.”

9. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Chế độ chi tặng quà

1. Tặng quà lưu niệm:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân với mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người.
- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người.
- Cấp xã: 700.000 đồng/người.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách và cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ việc, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi 2.300.000 đồng.

2. Chi tặng quà cho khi Đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa đi trao đổi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Đoàn công tác các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến trao đổi học tập kinh nghiệm tại tỉnh Khánh Hòa với mức chi:

a) Đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: 4.500.000 đồng/tỉnh, thành phố.

b) Đoàn công tác của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.000.000 đồng/tỉnh, thành phố.”

10. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Chi công tác xã hội

1. Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân:

a) Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm):

- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/lần.
- Cấp huyện: 500.000 đồng/người/lần.
- Cấp xã: 300.000 đồng/người/lần.

b) Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm):

- Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/người/lần.
- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/lần.
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/lần.

2. Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của chồng (hoặc vợ), mẹ đẻ của chồng (hoặc vợ), chồng (hoặc vợ), con của đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người.
- Cấp huyện: 500.000 đồng/người.
- Cấp xã: 300.000 đồng/người.

3. Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân) được thực hiện chế độ thăm hỏi, phúng điếu như đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Chế độ chi thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán:

a) Đối với trường hợp nguyên là thành viên chuyên trách Thường trực Hội đồng nhân dân (đã nghỉ hưu):

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người.
- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người.
- Cấp xã: 700.000 đồng/người.

b) Đối với trường hợp nguyên là lãnh đạo chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân (đã nghỉ hưu):

- Cấp tỉnh: 2.200.000 đồng/người.
- Cấp huyện: 1.200.000 đồng/người.

5. Chi thăm hỏi các đơn vị, gia đình chính sách thực hiện chung theo chủ trương của Tỉnh.

6. Chế độ chi thăm hỏi, phúng điếu, lễ tết đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

2. Các nội dung khác của Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh không thay đổi.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan, ĐUK doanh nghiệp;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Trung tâm Công báo (02 bản);
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH